

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 4 -2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Chí Thanh, bà Lữ Thị Hiền.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Hà Văn Thiết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thanh Loan – Kiểm Sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, Theo quyết định xét xử số: 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1988. Địa chỉ: Bản T, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Bản K, xã Y, huyện Y, tỉnh Sơn La. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào ngày 14 tháng 5 năm 2010. Khi kết hôn hai anh chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Sơn, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn vợ chồng ra ở riêng, cuộc sống chung vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, không

quan tâm gì đến nhau, hiện nay vợ chồng sống ly thân nhau mỗi người một nơi. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nguyện vọng của chị Phượng xin được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Trong quá trình sinh sống vợ chồng anh chị có 02 con chung: Cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 11/01/2012, cháu Nguyễn Mai P, sinh ngày 01/12/2014. Trường hợp ly hôn nguyện vọng của chị Phượng xin được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Mai P đến tuổi trưởng thành 18 tuổi, anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Minh Đ đến tuổi trưởng thành 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Hai anh chị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T trình bày như sau;

Về hôn nhân: Anh và Chị Nguyễn Thị P kết hôn với nhau vào ngày 14 tháng 5 năm 2010. Khi kết hôn hai anh chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Sơn, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị ra ở riêng, cuộc sống chung vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến bây giờ không có việc gì xảy ra, vợ chồng vẫn hạnh phúc. Nay chị Phượng có đơn xin ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình sinh sống vợ chồng có 02 con chung: Cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 11/01/2012, cháu Nguyễn Mai P, sinh ngày 01/12/2014. Trường hợp ly hôn nguyện vọng của anh xin được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Minh Đ đến tuổi trưởng thành 18 tuổi, Chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Mai P đến tuổi trưởng thành 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Hai anh chị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm; các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố

tung theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị P, Xử cho Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, đề nghị tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Văn T;

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mai P, sinh ngày 01/12/2014 cho Chị Nguyễn Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 11/01/2012 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Hai anh chị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về pháp luật tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung đối với anh Nguyễn Văn T, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú cuối cùng là bản Kim Sơn 1, xã Yên Sơn, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện Yên Châu thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[3] Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn T hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Theo nguyên đơn trình bày: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào ngày 14 tháng 5 năm 2010. Khi kết hôn hai anh chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Sơn, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Sau khi kết hôn vợ chồng ra ở riêng, cuộc sống chung vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, không quan tâm gì đến nhau, hiện nay vợ chồng sống ly thân nhau mỗi người một nơi. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nguyện vọng của chị Phượng xin được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Việc anh chị có đăng ký kết hôn làm phát sinh quyền lợi, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên trong quá trình chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn, không còn tình cảm, hai bên đã ly thân không còn qua lại quan tâm nhau nữa. theo xác minh tại địa phương xác định vợ chồng chị P, anh T có đăng ký kết hôn như anh chị P T đã trình bày, quá trình chung sống hai anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi từ năm 2021 cho đến nay, hai bên không có biện pháp hàn gắn gia đình, nên chị P thấy tình cảm không còn và yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ. Nay chị P có đề nghị được ly hôn, anh T không đồng ý, tuy nhiên anh T cũng không đưa ra được chứng cứ xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng và thực tế anh T cũng cho rằng hai bên đã ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay. Như vậy việc anh T cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn đề nghị được đoàn tụ là không có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị P đã thực sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị P, cho Chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[5] Về con chung: Chị P và anh T có 02 con chung: Vì các cháu đã có đơn trình bày nguyện vọng được ở với bố hay mẹ sau khi ly hôn, nên chấp nhận theo nguyện vọng của các cháu, cụ thể:

Giao cháu Nguyễn Mai P, sinh ngày 01/12/2014 cho Chị Nguyễn Thị P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 11/01/2012 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: Hai anh chị tự nguyện thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về vay nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thị P là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 232; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của Chị Nguyễn Thị P, xử cho Chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Mai P, sinh ngày 01/12/2014 cho Chị Nguyễn Thị P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 11/01/2012 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung: Hai anh chị tự nguyện thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0000391 ngày 03 tháng 01 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/4/2025).

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Yên Châu;
- Chi cục THA Dân sự huyện Yên Châu;
- UBND xã Yên Sơn, huyện Yên Châu;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Triệu Văn Quang

